TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v chia tài sản chung là quyền sử dụng đất sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoài Quốc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Công Bình
Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Trương Thanh Hà- Kiểm sát viên.

Từ ngày 08 tháng 9 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thúy N, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông B và bà N là vợ chồng, tuy nhiên ông và bà N đã ly hôn vào năm 2014 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 134/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 24/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình sống chung Ông B và bà N có 01 phần đất theo bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST, ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xác định cho Ông B và bà N được quyền sử dụng phần đất thửa 144 có diện tích thực đo bằng 167,8 m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D,

tỉnh Trà Vinh. Nay Ông B làm đơn yêu cầu Tòa án chia đôi phần đất này và cho Ông B được hưởng ½ diện tích phần đất này

Bị đơn bà Võ Thúy N trình bày: Từ khi thụ lý đến khi tại phiên tòa sơ thẩm, bà N chỉ có mặt 01 lần tại phiên đối chất ngày 11/01/2023 và bà N cho rằng phần đất này chia làm 04 phần gồm: Ông B, bà N và 02 người con chung của Ông B và bà N là anh Huỳnh Chí P, Huỳnh Thị T mỗi người 01 phần, nếu Ông B đồng ý thì Ông B rút yêu cầu khởi kiện, bà N đồng ý cho Ông B làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi làm giấy xong Ông B phải chuyển nhượng phần đất này và chia tiền theo 04 phần kể trên, Ông B không đồng ý thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn dù được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ chỉ có mặt tại phiên đối chất còn lại vắng mặt tại hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án:

Việc ông Huỳnh Văn B yêu cầu được hưởng 1/2 phần đất thửa 144 có diện tích thực đo bằng 167,8m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST, ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xác định cho Ông B và bà N được quyền sử dụng phần đất thửa 144 có diện tích thực đo bằng 167,8m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Do đó vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông B và chia đôi phần đất này, Ông B được hưởng diện tích 77,4 m^2, bà N được hưởng diện tích 90,4 m^2 của thửa 144, do phần bà N được hưởng có diện tích nhiều hơn là 6,5m^2, do đó bà N phải hoàn lại giá trị của phần đất được dư này, tương ứng: 6,5m^2 x 1.900.000đ/1m^2 = 12.350.000 đồng cho Ông B. Ngoài ra vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tiền chí phí thẩm định, định giá và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn B yêu cầu được hưởng 1/2 phần đất thửa 144 có diện tích thực đo bằng 167,8m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh trên cơ sở cho rằng đây là tài sản chung của vơ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn; bị đơn bà Võ Thúy N cư trú tại ấp C, xã D, thị xã D, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thúy N nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B yêu cầu được hưởng 1/2 phần đất thửa 144 có diện tích thực đo bằng 167,8m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là có căn cứ để chấp nhận, bởi các lẽ sau:

Ông B và bà N là vợ chồng, tuy nhiên Ông B và bà N đã ly hôn vào năm 2014 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 134/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 24/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình sống chung Ông B và bà N có 01 phần đất theo bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST, ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xác định cho Ông B và bà N được quyền sử dụng phần đất thửa 144 có diện tích thực đo bằng 167,8m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Do đó Thửa đất này là tài sản chung của Ông B và bà N được quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên việc Ông B yêu cầu chia đôi phần đất này và giao phần đất này cho Ông B ½, bà N ½ là có căn cứ, bởi lẽ phần đất này có diện tích 167,8m^2, loại đất ở, nên việc chia đôi phần đất này là thực hiện được và phù hợp theo quy định tại Điều 62 Luật hôn nhân và Gia đình. Từ đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao Ông B được hưởng diện tích 77,4 m^2, bà N được hưởng diện tích 90,4 m^2 của thửa 144, do phần bà N được hưởng có diện tích nhiều hơn là 6,5m^2, do đó bà N phải hoàn lại giá trị của phần đất được hưởng dư, tương ứng: 6,5m^2 x 1.900.000đ/1m^2 = 12.350.000 đồng cho Ông B.

Phần đất mà Ông B được hưởng có diện tích 77,4 m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 145 có chiều ngang 06m.
- Nam giáp với lộ nhựa có chiều ngang 06m.
- Tây giáp với thửa 2032 có chiều dài 13,1 m.
- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 144 có chiều dài 12,7m.

Phần đất mà bà N được hưởng diện tích 90,4 m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 145 có chiều ngang 6,7 m.
- Nam giáp với lộ nhựa có chiều ngang 7,4m,.

- Tây giáp với thửa phần còn lại thửa 144 có chiều dài 12,7 m.
- Phía Đông giáp thửa 5940 có chiều dài 12,2m.

Buộc bà N phải hoàn lại giá trị của phần đất được hưởng dư, tương ứng: 6,5m^2 x 1.900.000đ/1m^2 = 12.350.000 đồng cho Ông B.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí này là 3.850.000đồng, mỗi người chịu ½ chi phí này, tương ứng Ông B và bà N mỗi người chịu 1.925.000 đồng. Do Ông B nộp tạm ứng khoản chi phí này với số tiền 4.500.000 đồng, nên bà N phải hoàn trả cho Ông B số tiền 1.925.000 đồng và Ông B được nhận lại 650.000 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 33,59,62 của Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B

Ông Huỳnh Văn B được hưởng phần đất có diện tích 77,4 m^2, tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 145 có chiều ngang 06m.
- Nam giáp với lộ nhựa có chiều ngang 06m.
- Tây giáp với thửa 2032 có chiều dài 13,1 m.
- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 144 có chiều dài 12,7m.

Bà Võ Thúy N được hưởng phần đất diện tích 90,4 m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 145 có chiều ngang 6,7 m.
- Nam giáp với lộ nhựa có chiều ngang 7,4m,.
- Tây giáp với thửa phần còn lại thửa 144 có chiều dài 12,7 m.
- Phía Đông giáp thửa 5940 có chiều dài 12,2m.

Hai phần đất này thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 5, tọa lạc: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Có sơ đồ bảng vẽ kèm theo

Ông B và bà N liên hệ với cơ quan thẩm quyền để được cấp quyền sử dụng đất đối với các phần đất trên.

Buộc bà Võ Thúy N phải hoàn lại giá trị của phần đất được hưởng dư, với số tiền 12.350.000 đồng cho ông Huỳnh Văn B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: là 3.850.000 đồng, Ông B và bà N mỗi người chịu 1.925.000 đồng. Do Ông B nộp tạm ứng khoản chi phí này với số tiền 4.500.000 đồng, nên bà N phải hoàn trả cho Ông B số tiền 1.925.000 đồng và Ông B được nhận lại 650.000 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn B và bà Võ Thúy N mỗi người phải chịu 7.970.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông B được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí là 625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009940, ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nên Ông B phải nộp tiếp số tiền 7.345.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi các đương sự vắng mặt cư trú.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hoài Quốc